

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Lầu 9+10, 172 Hai Bà Trưng, Phường Đào Kao, Quận 01, TPHCM

Mã số thuế: 0301874259



BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) Quý 02 Năm 2018

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,074,107,003,327	833,679,914,531
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	412,914,054,355	244,474,335,202
1. Tiền	111		164,336,054,355	172,366,335,202
2. Các khoản tương đương tiền	112		248,578,000,000	72,108,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		97,837,813,362	53,109,240,273
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	53,846,711,577	41,568,046,159
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(1,349,898,215)	(3,018,576,160)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	45,341,000,000	14,559,770,274
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		532,712,934,106	511,217,991,282
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	287,809,535,428	282,822,950,848
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	12,650,441,734	5,739,210,095
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	V.5	-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.6a	46,170,000,000	56,250,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.7a	198,894,712,486	179,328,044,419
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.8	(12,811,755,542)	(12,922,214,080)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.9	-	-
IV. Hàng tồn kho	140		6,709,321,872	5,294,250,880
1. Hàng tồn kho	141	V.10	6,709,321,872	5,294,250,880
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.10	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		23,932,879,632	19,584,096,894
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	6,211,788,755	6,323,395,364
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		17,673,074,747	13,260,701,530
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.25	48,016,130	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154	V.12	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.13a	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,959,627,218,047	1,903,680,876,080
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10,198,185,484	9,408,083,660
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.6b	-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.7b	10,198,185,484	9,408,083,660
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.8	-	-
II. Tài sản cố định	220		780,940,813,120	776,325,453,650
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.14	712,440,368,512	705,173,726,673
- Nguyên giá	222		1,034,951,532,188	1,006,824,202,578
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(322,511,163,676)	(301,650,475,905)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.15	25,467,946,854	26,819,538,210
- Nguyên giá	225		28,872,721,111	28,872,721,111
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3,404,774,257)	(2,053,182,901)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.16	43,032,497,754	44,332,188,767
- Nguyên giá	228		57,459,821,703	57,168,221,703
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14,427,323,949)	(12,836,032,936)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.17	58,673,626,031	60,032,860,469
- Nguyên giá	231		84,498,175,910	84,498,175,910
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(25,824,549,879)	(24,465,315,441)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		92,212,815,006	24,290,973,760
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.18	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.19	92,212,815,006	24,290,973,760
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		951,766,446,685	977,268,795,908
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	890,466,508,858	802,042,940,781
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	83,776,735,327	169,225,855,127
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2d	(23,476,797,500)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	1,000,000,000	6,000,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		65,835,331,721	56,354,708,633
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	27,701,915,070	27,982,412,916
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.20	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.21	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	V.13b	3,489,738,740	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.22	34,643,677,911	28,372,295,717
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3,033,734,221,374	2,737,360,790,611

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối kỳ	đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,474,168,881,076	1,315,646,288,343
I. Nợ ngắn hạn	310		686,160,025,823	786,630,395,429
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.23a,c	235,536,429,721	253,277,874,685
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.24a	3,747,769,485	1,003,115,089
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.25	19,205,343,002	15,413,695,244
4. Phải trả người lao động	314	V.26	9,076,225,589	20,960,327,692
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.27a	21,856,100,676	21,307,488,840
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	V.28	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.29a,c	2,945,393,794	2,821,167,015
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.30a,c	180,834,144,636	186,765,794,105
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.31a,c	189,260,172,843	263,061,157,911
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.32a	-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.33	23,698,446,077	22,019,774,848
13. Quỹ bình ổn giá	323	V.34	-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	V.35	-	-
II. Nợ dài hạn	330		788,008,855,253	529,015,892,914
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.23b,c	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.24b	-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.27b	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.29b,c	-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.30b,c	22,027,638,674	11,686,868,842
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.31b,c	765,981,216,579	517,329,024,072
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.36	-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	V.37	-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.38	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.32b	-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.39	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,559,565,340,298	1,421,714,502,268
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,559,565,340,298	1,421,714,502,268
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.40	432,039,540,000	345,643,420,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		432,039,540,000	345,643,420,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.40	210,148,055,653	211,387,685,968
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	V.36, 40	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.40	-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.40	(107,189,900)	(187,154,400)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	V.40	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.40	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.40	90,816,432,599	86,767,052,791
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	V.40	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.40	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.40	636,165,889,549	636,916,992,665
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		543,130,228,800	460,343,216,931
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		93,035,660,750	176,573,775,734
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	V.40	-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.41	190,502,612,397	141,186,505,244
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431	V.42	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	V.43	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3,033,734,221,374	2,737,360,790,611

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2018

Lê Minh Hải
Người lập biểu

Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng



Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý 02 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 02		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	633,744,608,628	592,775,866,466	1,123,112,563,305	770,560,988,826
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2,224,462,208	642,740,924	4,109,398,203	642,740,924
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		631,520,146,420	592,133,125,542	1,119,003,165,102	769,918,247,902
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	567,044,198,533	519,321,020,249	1,008,685,534,316	640,167,644,966
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		64,475,947,887	72,812,105,293	110,317,630,786	129,750,602,936
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	16,381,541,265	16,847,070,727	21,019,576,890	19,146,365,413
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	43,724,897,125	15,255,391,724	59,379,421,352	29,437,688,304
Trong đó: chi phí lãi vay	23		15,103,103,365	15,017,503,722	28,486,887,217	28,833,327,753
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2c	29,507,950,152	29,039,943,904	85,146,237,105	51,985,140,594
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	4,958,097,848	3,541,731,757	8,019,473,582	3,711,264,928
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	18,390,925,761	15,658,845,790	33,623,661,872	25,697,938,976
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		43,291,518,570	84,243,150,653	115,460,887,975	142,035,216,735
12. Thu nhập khác	31	VI.8	8,194,702,793	427,359,055	8,282,591,685	932,983,970
13. Chi phí khác	32	VI.9	5,001,210,647	(189,451,401)	6,242,388,458	590,051,305
14. Lợi nhuận khác	40		3,193,492,146	616,810,456	2,040,203,227	342,932,665
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		46,485,010,716	84,859,961,109	117,501,091,202	142,378,149,400
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.25	8,040,213,916	8,775,902,533	15,482,832,170	15,903,212,284
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10				
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		38,444,796,800	76,084,058,575	102,018,259,032	126,474,937,116
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		33,976,846,281	69,465,119,856	93,035,660,750	120,066,331,281
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		4,467,950,519	6,618,938,719	8,982,598,282	6,408,605,835
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11a,c	786	1,833	2,153	3,370
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11b,c	786	1,833	2,153	3,370


Lê Minh Hải
Người lập biểu

Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2018


Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 02 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		117,501,091,202	142,378,149,400
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		33,884,136,898	32,290,354,629
- Các khoản dự phòng	03		22,542,563,174	(480,473,827)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(527,678,043)	(50,250,676)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(95,471,648,690)	(69,932,719,285)
- Chi phí lãi vay	06		28,486,887,217	28,833,327,753
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	280,200,000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		106,415,351,758	133,318,588,000
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		76,190,399,863	(27,845,097,075)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1,415,070,992)	639,199,228
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(77,411,141,419)	30,704,938,747
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3,972,001,900	1,503,717,202
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		(12,278,665,418)	(12,751,434,504)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(26,632,616,694)	(30,181,138,194)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13,653,538,640)	(9,540,645,208)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		921,402,327	85,193,785,369
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6,745,864,505)	(5,366,512,994)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		49,362,258,180	165,675,400,571
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(14,007,477,545)	(45,424,348,987)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		5,045,545,455	2,334,098,791
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(72,858,229,726)	(18,859,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		55,968,654,504	64,535,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(39,671,423,925)	(20,454,906,405)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	3,331,718,500
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		29,717,750,155	7,392,732,483
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(35,805,181,082)	(7,144,705,618)

Quý 02 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		792,847,950,287	257,065,204,503
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(640,255,934,702)	(290,752,865,775)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	(3,159,662,394)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4,391,185,972)	(5,409,300)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		148,200,829,613	(36,852,732,966)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		161,757,906,711	121,677,961,987
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		250,851,900,402	122,977,237,645
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		304,247,242	(29,749,330)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		412,914,054,355	244,625,450,302



TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2018

Lê Minh Hải
 Người lập biểu

Lê Văn Hùng
 Kế toán trưởng

Lê Duy Hiệp
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Quý 02 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty cổ phần Transimex bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Transimex (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Transimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là: Đại lý giao nhận và vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và công cộng bằng đường biển, đường hàng không và đường bộ; Dịch vụ kho ngoại quan, kho CFS, kho ICD; Kinh doanh kho bãi, xếp dỡ, lưu giữ hàng hóa xuất nhập khẩu trung chuyển; Dịch vụ giao, nhận hàng hóa, làm thủ tục hải quan; Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải cho tàu biển trong và ngoài nước; Dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa qua Campuchia, Lào, Trung Quốc; Dịch vụ đóng gói và kẻ ký mã hiệu hàng hóa cho nhà sản xuất trong nước và nước ngoài ủy thác; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Dịch vụ cho thuê văn phòng; Chuyển phát.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 05 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần vận tải Transimex	7/1 ấp Bình Thọ, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải	75.48%	75.48%	75.48%	75.48%
Công ty TNHH một thành viên bất động sản Transimex	172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ cho thuê văn phòng	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH một thành viên trung tâm phân phối	Đường số 23, khu công nghiệp Sóng Thần 2, thị	Dịch vụ cho thuê kho	100%	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Transimex	xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương					
Công ty TNHH một thành viên Transimex Hi Tech Park Logistics	Lô BT, đường D2, Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ cho thuê kho	100%	100%	100%	100%
Công ty cổ phần Vinafreight ⁽¹⁾	A8 Trường Sơn P.02, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ logistics	52.04%	51.59%	52.04%	51.59%

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn	631-633 Nguyễn Trãi, phường 11, quận 5, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại và dịch vụ	35,02%	35,02%	35,02%	35,02%

5d. Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn chỉ có cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu là Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam có trụ sở chính tại 364 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam là dịch vụ logistics. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam là 50% (số đầu năm là 50%).

5e. Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát ngừng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tập đoàn có cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát ngừng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là Transimex - Cambodia Company có trụ sở chính tại Suite 09/10B/79, Regency Square, Street 205, SK.Tomnoubteok, KH.Chamkamon, Phnompenh, Cambodia. Hoạt động kinh doanh chính của Transimex - Cambodia Company là dịch vụ logistics. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Transimex - Cambodia Company là 50% (số đầu năm là 50%). Transimex - Cambodia Company không được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu với lý do công ty này đã ngưng hoạt động và đang làm thủ tục giải thể.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của cùng kỳ năm trước.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 1.032 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.012 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm các chi phí trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn. Các công cụ, dụng cụ có thời gian phân bổ từ 1 năm trở lên và không quá 3 năm được phân loại là chi phí trả trước dài hạn

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm.

Chi phí thuê văn phòng, kho bãi

Chi phí thuê văn phòng, kho bãi được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm.

Chi phí cầu đường

Chi phí cầu đường được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm.

Các chi phí trả trước ngắn hạn khác

Các chi phí trả trước ngắn hạn khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 3 năm.

Thẻ hội viên chơi golf

Chi phí đăng ký thẻ hội viên chơi golf được phân bổ vào quỹ thưởng của Ban điều hành quản lý theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (20 năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các chi phí trả trước dài hạn khác

Các chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 3 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 15
Tài sản cố định hữu hình khác	05

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 30 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Tập đoàn trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (32 năm).

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Bản quyền, bằng sáng chế

Nguyên giá của bản quyền tác giả, bằng sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền tác giả, bằng sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh do một bên kiểm soát chia lợi nhuận sau thuế và đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

16. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường bao gồm trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu hoặc trái phiếu có thể chuyển đổi thành một lượng cổ phiếu không xác định tại ngày đáo hạn (do phụ thuộc vào giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn).

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tập đoàn theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

17. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tập đoàn.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thẳng dư vốn cổ phần.

18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết..

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả .

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền	164,336,054,355	172,366,335,202
Các khoản tương đương tiền	248,578,000,000	72,108,000,000
Cộng	<u>412,914,054,355</u>	<u>244,474,335,202</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chứng khoán kinh doanh	53,846,711,577	41,568,046,159
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(1,349,898,215)	(3,018,576,160)

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

- **Ngắn hạn:** tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 03 tháng tại các ngân hàng, tiền cho vay các tổ chức khác dưới 12 tháng.
- **Dài hạn:** Tiền gửi tiết kiệm trên 12 tháng tại các ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2c. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam ⁽ⁱ⁾	12,525,000,000	259,667,514,109	272,192,514,109	12.525.000.000	251.016.921.898	263.541.921.898
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An ^(iv)	40,000,000,000	5,997,705,747	45,997,705,747	40.000.000.000	2.140.803.730	42.140.803.730
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn ^(v)	303,280,000,000	42,479,203,573	345,759,203,573	303.280.000.000	(3.574.842.488)	299.705.157.512
Công ty Cổ phần Cảng Mípec ^(iv)	157,760,000,000	(703,623,300)	157,056,376,700	157.760.000.000	-	157.760.000.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung	4,392,000,000	3,910,591,304	8,302,591,304	4.392.000.000	3.641.578.554	8.033.578.554
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương	13,200,000,000	18,522,606,406	31,722,606,406	13.200.000.000	17.661.479.087	30.861.479.087
Công ty cổ phần DV Logistics Thăng Long	29,445,500,000	(9,988,981)	29,435,511,019			
Công ty TNHH Chuyên phát nhanh Expo ViNa	624.000.000	(624.000.000)	-	624.000.000	(624.000.000)	-
Cộng	561,226,500,000	329,240,008,858	890,466,508,858	531,781,000,000	270,261,940,781	802,042,940,781

Các công ty liên doanh, liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

3. Phải thu khách hàng

Số cuối kỳ	Số đầu năm
287,809,535,428	282,822,950,848

4. Trả trước cho người bán

Số cuối kỳ	Số đầu năm
12,650,441,734	5,739,210,095

5. Các khoản phải thu khác

Số cuối kỳ	Số đầu năm
198,894,712,486	179,328,044,419

6. Hàng tồn kho

Số cuối kỳ	Số đầu năm
6,709,321,872	5,294,250,880

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Chi phí trả trước ngắn hạn****7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**Số cuối kỳ

6,211,788,755

Số đầu năm

6,323,395,364

7b. Chi phí trả trước dài hạnSố cuối kỳ

27,701,915,070

Số đầu năm

27,982,412,916

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định hữu hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	570,688,476,850	11,263,031,475	364,547,818,481	40,149,187,703	20,175,688,069	1,006,824,202,578
Mua sắm mới	18,332,228,322	100,000,000	15,383,822,862	5,389,423,747	0	39,205,474,931
Giảm trong kỳ	0	0	(11,078,145,321)	0	0	(11,078,145,321)
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành						
Số cuối năm	<u>589,020,705,172</u>	<u>11,363,031,475</u>	<u>368,853,496,022</u>	<u>45,538,611,450</u>	<u>20,175,688,069</u>	<u>1,034,951,532,188</u>
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	95,991,408,862	1,498,917,171	174,744,151,795	27,849,244,934	1,566,753,143	301,650,475,905
Khấu hao trong năm	13,142,494,393	253,910,950	13,803,570,873	1,898,822,585	413,738,018	29,512,536,819
Giảm trong kỳ	0	0	(8,651,849,048)	0	0	(8,651,849,048)
Tăng khác	0	0	0	0	0	0
Số cuối năm	<u>109,133,903,255</u>	<u>1,752,828,121</u>	<u>179,895,873,620</u>	<u>29,748,067,519</u>	<u>1,980,491,161</u>	<u>322,511,163,676</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	<u>474,697,067,988</u>	<u>9,764,114,304</u>	<u>189,803,666,686</u>	<u>12,299,942,769</u>	<u>18,608,934,926</u>	<u>705,173,726,673</u>
Số cuối năm	<u>479,886,801,917</u>	<u>9,610,203,354</u>	<u>188,957,622,402</u>	<u>15,790,543,931</u>	<u>18,195,196,908</u>	<u>712,440,368,512</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	44,285,400,000	32,500,000	12,850,321,703	57,168,221,703
Mua sắm trong năm			291,600,000	291,600,000
Thanh lý, nhượng bán				
Số cuối năm	44,285,400,000	32,500,000	13,141,921,703	57,459,821,703
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	6,458,287,528	32,500,000	6,345,245,408	12,836,032,936
Khấu hao trong năm	1,191,959,378		399,331,635	1,591,291,013
Số cuối năm	7,650,246,906	32,500,000	6,744,577,043	14,427,323,949
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	40,594,949,984		4,864,816,664	45,459,766,648
Số cuối năm	36,635,153,094		6,397,344,660	43,032,497,754

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc
Nguyên giá	
Số đầu năm	84,498,175,910
Số cuối năm	84,498,175,910
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	24,465,315,441
Khấu hao trong năm	1,359,234,438
Số cuối năm	25,824,549,879
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	60,032,860,469
Số cuối năm	58,673,626,031

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Số cuối kỳ	Số đầu năm
92,212,815,006	24,290,973,760

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Số cuối kỳ	Số đầu năm
-------------------	-------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	235,536,429,721	253,277,874,685
14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	19,205,343,002	15,413,695,244
15. Phải trả người lao động Tiền lương còn phải trả người lao động.		
16. Chi phí phải trả ngắn hạn	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	21,856,100,676	21,307,488,840
17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	180,834,144,636	186,765,794,105
18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	2,945,393,794	2,821,167,015
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	23,698,446,077	22,019,774,848
20. Phải trả dài hạn khác Nhận ký quỹ dài hạn.		
21. Vay và nợ thuê tài chính		
21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	189,260,172,843	263,061,157,911
21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	765,981,216,579	517,329,024,072

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. **Vốn chủ sở hữu**

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43,202,954	34,564,342
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43,202,954	34,564,342
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	43,202,954	34,564,342
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(11,619)	(11,619)
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(11,619)	(11,619)
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43,191,335	34,552,723
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	43,191,335	34,552,723
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	312,653,570,000	(59,352,000)	193,653,130,653	71,660,772,746	500,480,231,381		868,258,983,803
Phát hành cổ phiếu từ trái phiếu chuyển đổi	32,989,850,000		16,494,925,000				49,484,775,000
Lợi nhuận trong năm trước					194,393,970,635	17,019,800,906	211,413,771,541
Chia cổ tức trong năm trước					(17,282,171,000)		(17,282,171,000)
Trích lập các quỹ trong năm trước				11,017,268,061	(21,989,827,756)		(10,972,559,695)
Tăng do hợp nhất kinh doanh						132,996,636,889	132,996,636,889
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận						(5,406,912,900)	(5,406,912,900)
Giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi						(2,510,010,090)	(2,510,010,090)
Mua cổ phiếu do CBCNV nghỉ việc		(47,837,900)					(47,837,900)
Điều chỉnh khác		(79,964,500)	1,239,630,315	4,089,011,984	(18,685,210,595)	(913,009,561)	(14,349,542,357)
Số dư cuối năm trước	345,643,420,000	(187,154,400)	211,387,685,968	86,767,052,791	636,916,992,665	141,186,505,244	1,211,585,133,291
Số dư đầu năm nay	345,643,420,000	(187,154,400)	211,387,685,968	86,767,052,791	636,916,992,665	141,186,505,244	1,421,714,502,268
Phát hành cổ phiếu từ trái phiếu chuyển đổi	86,396,120,000		0				86,396,120,000
Lợi nhuận trong kỳ					102,018,259,032		102,018,259,032
Trích lập các quỹ trong kỳ				0	0		0
Điều chỉnh khác		79,964,500	(1,239,630,315)	4,049,379,808	(102,769,362,147)	49,316,107,153	(50,563,541,001)
Số dư cuối kỳ	432,039,540,000	(107,189,900)	210,148,055,653	90,816,432,599	636,165,889,550	190,502,612,397	1,559,565,340,299

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
Năm nay	Năm trước
<u>1,119,003,165,102</u>	<u>769,918,247,902</u>

2. Giá vốn hàng bán

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
Năm nay	Năm trước
<u>1,008,685,534,316</u>	<u>640,167,644,966</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
Năm nay	Năm trước
<u>21,019,576,890</u>	<u>19,146,365,413</u>

4. Chi phí tài chính

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
Năm nay	Năm trước
<u>59,379,421,352</u>	<u>29,437,688,304</u>

5. Chi phí bán hàng

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
Năm nay	Năm trước
<u>8,019,473,582</u>	<u>3,711,264,928</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
Năm nay	Năm trước
<u>33,623,661,872</u>	<u>25,697,938,976</u>

7. Thu nhập khác

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
Năm nay	Năm trước
<u>8,282,591,685</u>	<u>932,983,970</u>

8. Chi phí khác

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
Năm nay	Năm trước
<u>6,242,388,458</u>	<u>590,051,305</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Vinafreight (tên cũ là Công ty cổ phần vận tải ngoại thương)	Công ty con

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Logistics: Giao nhận vận chuyển nội địa và quốc tế, cho thuê kho, khai thác cảng nội địa ICD, ...
- Lĩnh vực cho thuê và quản lý bất động sản: cho thuê tòa nhà và quản lý tòa nhà.

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực Logistics	Lĩnh vực cho thuê và quản lý bất động sản	Cộng
Từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1,127,418,736,030	15,099,956,253	1,142,518,692,283
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	(23,260,402,772)	(255,124,409)	(23,515,527,181)
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,104,158,333,258	14,844,831,844	1,119,003,165,102
Chi phí bộ phận	(1,045,414,413,927)	(4,914,255,843)	(1,050,328,669,770)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	58,743,919,331	9,930,576,001	68,674,495,332
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	58,743,919,331	9,930,576,001	68,674,495,332
Doanh thu hoạt động tài chính	20,338,057,185	681,519,705	21,019,576,890
Chi phí tài chính	(59,379,421,352)	0	(59,379,421,352)
Thu nhập khác	8,282,583,694	7,991	8,282,591,685
Chi phí khác	(6,241,548,458)	(840,000)	(6,242,388,458)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	85,146,237,105	0	85,146,237,105
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(13,360,411,432)	(2,122,420,738)	(15,482,832,170)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	0	0	0
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	93,529,416,073	8,488,842,959	102,018,259,032

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Địa chỉ: 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực Logistics	Lĩnh vực cho thuê và quản lý bất động sản	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1,874,897,371,809	99,034,404,034	1,973,931,775,843
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			1,059,802,445,531
Tổng tài sản			3,033,734,221,374
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1,431,436,030,965	19,034,404,034	1,450,470,434,999
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			23,698,446,077
Tổng nợ phải trả			1,474,168,881,076
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	558,160,213,999	83,585,151,855	641,745,365,854
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			369,983,701,872
Tổng tài sản			1,011,729,067,726
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	247,742,767,256	12,488,272,763	260,231,040,019
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			5,640,990,967
Tổng nợ phải trả			265,872,030,986

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2018

Lê Minh Hải
Người lập biểu

Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng



Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

Số: 265 /KT-TMS/2018

V/v: Giải trình kết quả kinh doanh hợp
nhất quý 02 năm 2018

Cộng Hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập Tự Do Hạnh Phúc

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 27 tháng 07 năm 2018

Kính gửi : SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Công ty Cổ Phần TRANSIMEX (Mã CK: TMS) giải trình kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 02 năm 2018 tăng so với Quý 02 năm 2017 như sau:

**Bảng so sánh kết quả hoạt động kinh doanh Hợp Nhất
Quý 02 năm 2018 và Quý 02 năm 2017**

DVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Quý 02		Tăng (giảm)	
	Năm 2018	Năm 2017	Giá trị	Tỉ lệ %
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	64,475,947,887	72,812,105,293	(8,336,157,406)	-11.45%
Chi phí HĐTC	43,724,897,125	15,255,391,724	28,469,505,401	186.62%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	38,444,796,800	76,084,058,575	(37,639,261,776)	-49.47%

Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất Quý 02 năm 2018 giảm so với Quý 02 năm 2017 là 37.639.261.776 đồng (tương ứng giảm 49.47%), nguyên nhân chủ yếu là do:

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ quý 02/2018 giảm so với Quý 02/2017 số tiền 8.336.157.406 đồng tương ứng giảm 11.45%;
- Chi phí hoạt động tài chính quý 02/2018 tăng so với quý 02/2017 28.469.505.401 đồng tăng tương ứng 186.62%.

Trân trọng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX
Tổng Giám Đốc



Lê Duy Hiệp

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu KTTC, TCHC